

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 - 3 - 2020  
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Út

2. Bà Lê Thanh Xuân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lan Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thành T – sinh năm: 1973

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị N – sinh năm: 1976

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 16/12/2019 và quá trình tố tụng ông Phạm Thành T trình bày: Ông với bà N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Xuân vào năm 1998, chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung khiến cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và đã ly thân nhau từ năm 2000 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Võ Thị N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ L (nam) sinh ngày 12/10/1996 và Phạm Vũ M (nam), sinh ngày 12/10/1996, do hai con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn là bà Võ Thị N được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không cung cấp bản tự khai và không có ý kiến trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Thành T với bà Võ Thị N. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Vũ L (nam) sinh ngày 12/10/1996 và Phạm Vũ M (nam), sinh ngày 12/10/1996, do đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Đề nghị buộc ông Phạm Thành T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Phạm Thành T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn với bà Võ Thị N nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hôn nhân giữa ông T và bà N được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc ly thân nhau từ năm 2000 đến nay; mặc dù đã ly thân thời gian dài nhưng không có giải pháp hàn gắn, quan hệ tình cảm vợ chồng thực tế không còn tồn tại, anh Tuấn cho rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị N là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Đã thành niên và không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có nhưng chưa có ý kiến của bà N nên để đảm bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết trong vụ án này mà tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có yêu cầu hoặc có phát sinh tranh chấp.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc ông Phạm Thành T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Thành T với bà Võ Thị N, chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Thành T với bà Võ Thị N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và không có yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ án khác nếu sau này có yêu cầu hoặc có phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc ông Phạm Thành T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002098 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (ông Phạm Thành T đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Minh Tâm**